

Đô Lương, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Số:151/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H – sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Xóm 9, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Bản Cù, xã Châu Lưu, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Lê Đình H – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 9, xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Giao con chung là cháu Lê Đình Ph sinh ngày 09/11/2018 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Lê Đình Ph trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Đình H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) từ tháng 8 năm 2020 đến khi cháu Phú đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Lê Đình H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở. Anh Lê Đình H không được lạm dụng quyền thăm nom con chung cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định.

- Về tài sản và các khoản nợ: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS năm 2015, Điều 25 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Lê Thị H phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho chị Lê Thị H 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005395 ngày 06/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương. Anh Lê Đình H phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- UBND xã Đà Sơn;
- THADS huyện Đô Lương.

THẨM PHÁN

Phan VănNguyễn